

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2022/DS-ST

Ngày 21 - 11 - 2022

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Nghi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Công Kiều

Ông Nguyễn Văn Thư

- Thư ký phiên toà: Bà Trịnh Thị Thủy - Thư ký Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hoá không tham gia phiên toà.

Ngày 21 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 44/2022/TLST-DS ngày 06 tháng 6 năm 2022 về *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2022/QĐXX-ST ngày 24 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 100/2022/QĐHPT ngày 05/9/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Hoàng Văn Đ - sinh năm 1960. Bà Trương Thị M - sinh năm 1962.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trương Thị M (vợ) có mặt.

Địa chỉ: Thôn Ch, xã Ng, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn L - sinh năm 1963 và bà Tô Thị Ng - sinh năm 1963.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Tô Thị Ng (vợ) có mặt.

Địa chỉ: Thôn Th, xã Ng, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 25/4/2022, bản tự khai bổ sung và trong quá trình giải quyết vụ án bà Trương Thị M có quan điểm trình bày như sau:

Do có mối quan hệ quen biết bạn bè với nhau nên ông Hoàng Văn Đ và bà Trương Thị M đã cho bà L Ng (tức ông L, bà Ng) vay tiền với nhiều lần vay khác nhau. Trong giấy vay tiền này thể hiện nội dung cụ thể từng lần vay như sau:

- Ngày 24/5/2017 có nội dung “ Chị Ng N thôn Th, xã Ng, H có vay của bà Đ M số tiền bằng 25^T 000.000. Hai mươi lăm triệu chẵn” viết bằng mực đen.

- Ngày 30/5/2017 có nội dung “ Chị Ng N vay tiếp 5^T 000.000 năm triệu chẵn + 10^T 000.000, viết bằng mực đen,

- Ngày 16/6/2017 có nội dung “ Chị Ng N vay tiếp 20^T 000.000 Hai mươi triệu chẵn” viết bằng mực đen,

- Ngày 28/6/2018 có nội dung “ Ng vay thêm 10.000.000” viết bằng mực xanh vay số tiền 10.000.000đ; nội dung này được ghi chèn vào hàng kẻ để trống giữa hai dòng chữ của nội dung vay ngày 16/6/2017 và liền trước nội dung vay ngày 28/4/2018;

- Ngày 28/4/2018 thể hiện nội dung “ Bạn Ng vay thêm của M số tiền bằng 20T.000.000 viết bằng mực đen và chữ số + 10^T.000.000 bằng mực xanh.

Tổng cộng số tiền nợ gốc bà L Ng vay của bà Đ - M là 100.000.000đ; lãi suất hai bên thỏa thuận miệng với nhau không viết vào giấy vay, các lần vay đều không thể hiện thời hạn trả. Quá trình giải quyết bà M thừa nhận trong lần vay tiền ngày 28/6/2018 có thể hiện nội dung “Ngãi vay thêm 10T.000.000 và số +10T.000.000 ghi cuối dòng chữ của nội dung ngày 28/4/2018” là tiền lãi viết bằng mực xanh, hai khoản lãi là 20.000.000 đồng nên bà M không yêu cầu trả số tiền lãi trên. Đồng thời yêu cầu tính lãi suất 1% trên số tiền nợ gốc là 80.000.000đồng. Tổng cộng tiền gốc và lãi là 88.000.000đ (Tám mươi tám triệu đồng).

Tại bản tự khai ngày 26/7/2022, bản tự khai bổ sung và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà Tô Thị Ng có quan điểm trình bày như sau:

Bà Tô Thị Ng thừa nhận có vay của bà M hai lần tiền, tổng cộng số tiền vay là 45.000.000đồng. Cụ thể vay số tiền 25.000.000 đồng vào ngày 24/5/2017 và lần 2 vay số tiền 20.000.000 đồng vào ngày 16/6/2017, còn số tiền vay 5.000.000đ vào ngày 30/5/2017 thì bà không nhớ rõ, cộng là 50.000.000đồng. Toàn bộ số tiền này bà M là người trực tiếp giao tiền cho bà Ng, việc vay tiền của bà M thì bà Ng có bàn bạc và thống nhất với ông L, mục đích vay là để lấy tiền mua sắm ngư lưới cụ đánh bắt hải sản, nên trong giấy vay bà có ký và viết chữ L Ng (tên chồng và vợ) vào cuối tờ giấy vay.

Về lãi suất thì hai bên chỉ thỏa thuận trả lãi suất ngoài với nhau nên không ghi tiền lãi nhưng lãi suất hàng tháng bà Ng phải trả cho bà M là 40 (nghĩa là 400.000đ/10 triệu/tháng), 45.000.000đ thì hàng tháng phải trả lãi là 1.800.000đồng, trả bao nhiêu lần thì bà không thể nhớ được, còn tiền nợ gốc thì bà chưa trả, số tiền lãi có khi lấy bằng tiền và bằng hàng hóa, bà M thu nên không có sổ sách ghi lại. Năm 2021, do giá nhiên liệu dầu tăng cao, gia đình bà phải bán nghề để trả nợ nhưng cũng không đủ trả, cũng thời gian này ông L bị mắc bệnh nặng phải điều trị nhiều nơi dẫn đến kinh tế gia đình gặp khó khăn. Nay bà M yêu cầu tính lãi 1%/ tháng thì bà không chấp nhận vì giấy vay không ghi lãi suất và không ghi thời hạn phải trả. Tuy nhiên trong số tiền nợ gốc 45.000.000đồng thì bà đã trả cho bà M được 11.000.000 đồng vào ngày 15/11/2021 và bà xin được trả dần. Tuy nhiên các khoản vay khác trong giấy vay tiền do bà M

xuất trình thì có nhiều khoản vay là do bà M tự viết thêm vào phần giấy đề trống, còn thực tế bà không vay và cũng không được nhận số tiền đó.

Quá trình xét xử vụ án vào ngày 26/9/2022, nguyên đơn và bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngưng phiên tòa để các bên hòa giải thống nhất lại số tiền còn nợ với nhau. Ngày 10/10/2022, nguyên đơn và bị đơn đã có văn bản tự thỏa thuận hòa giải thống nhất được số tiền nợ và thời hạn trả nợ, văn bản hòa giải thỏa thuận được giao nộp cho Tòa án làm căn cứ giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, bị đơn, các bên đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm như biên bản tự thỏa thuận hòa giải và không có ý kiến thay đổi, bổ sung khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên khởi kiện đối với bị đơn về nội dung xác lập giấy vay tiền không xác định thời hạn và không có lãi, việc khởi kiện là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của BLTTDS. Vụ án được thụ lý, giải quyết đúng thẩm quyền, theo quy định khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố Tụng dân sự 2015.

[2] Xét nội dung thỏa thuận của các đương sự:

Theo biên bản tự thỏa thuận hòa giải lập ngày 10/10/2022 giữa nguyên đơn và bị đơn có nội dung thống nhất: Số tiền bà Ng, ông L còn nợ là 60.000.000 đồng, ngày 15/11/2021 bà Ng, ông L đã trả cho bà M, ông Đ số tiền 11.000.000 đồng, số tiền đã trả được trừ vào tiền nợ trên. Nay bà Ng, ông L còn nợ số tiền là 49.000.000 đồng, thời gian thống nhất trả nợ bắt đầu từ tháng 01/2023 cho đến hết tháng 5/2023. Nhận thấy, nội dung các bên đã có sự thống nhất hòa giải với nhau về số tiền vay và thời hạn trả nợ, các nội dung thống nhất, hòa giải của các bên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Tại phiên tòa các bên không có thay đổi gì khác ngoài nội dung đã thỏa thuận. Do đó cần ghi nhận sự thỏa thuận của các bên là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3]. Đối với khoản tiền lãi nguyên đơn yêu cầu 1%/ tháng nhưng trong nội dung xác lập vay tiền không thể hiện thời hạn và tiền lãi phải trả. Văn bản thỏa thuận xác lập ngày 10/10/2022 các bên cũng đã thừa nhận không nhớ cụ thể số lần vay. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và bị đơn thống nhất không yêu cầu tính lãi suất, vì trong giấy xác lập vay tiền không thể hiện số tiền lãi hàng tháng, nay nguyên đơn cũng không yêu cầu và rút lãi suất nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn đối với bị đơn.

[4]. Về án phí dân sự có giá ngạch: Nhận thấy, nguyên đơn sinh năm 1962 thuộc trường hợp người cao tuổi nên không phải chịu án phí. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị đơn phải nộp án phí dân sự có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 271, Điều 273 và điểm d khoản 1 Điều 259 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 280, Điều 357, Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 và khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Dân sự 2015.

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Công nhận ông Nguyễn Văn L và bà Tô Thị Ng đã vay của ông Hoàng Văn Đ và bà Trương Thị M số tiền là 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng) theo biên bản tự thỏa thuận hòa giải lập ngày 10/10/2022.

Ghi nhận sự thỏa thuận giữa nguyên đơn: Ông Hoàng Văn Đ, bà Trương Thị M đối với bị đơn: Ông Nguyễn Văn L, bà Tô Thị Ng về số tiền nợ là 60.000.000đồng, được trừ đi số tiền đã trả 11.000.000 đồng, số tiền còn nợ là 49.000.000đồng (bốn mươi chín triệu đồng). Toàn bộ số tiền nợ trên bà Ng, ông L phải thanh toán cho ông M, bà Đ điều mỗi tháng 10.000.000đồng, thời gian trả nợ từ ngày 01/01//2023 đến hết tháng 5/2023.

2. Về lãi suất: Đình chỉ yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn đối với bị đơn.

3. Về án phí dân sự có giá ngạch: Bà Tô Thị Ng và ông Nguyễn Văn L phải chịu án phí dân sự có giá ngạch là: 2.450.000 đồng (hai triệu bốn trăm nghìn đồng).

Trường hợp ông Nguyễn Văn L, bà Tô Thị Ng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng với số tiền và thời gian như đã thỏa thuận thì ông Đ, bà M có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án để thi hành toàn bộ khoản nợ, ngoài số tiền phải thi hành thì ông L, bà Ng còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Án xử công khai có mặt các bên đương sự, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND huyện H;
- Các Đương sự;
- Chi cục THA DS Huyện H;
- Lưu HS VA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Ngh